

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

Số: /TT-UBND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày tháng 12 năm 2022

## TÒ TRÌNH

### **Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh xin trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, như sau:

#### **I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

##### **1. Về cơ sở định hướng và pháp lý:**

Hiện nay, trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ với trung tâm là công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng và quyết định khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp. Vì vậy, một trong những nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra: “đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế”; Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định coi khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong các đột phá chiến lược quan trọng nhất tiến tới phát triển nhanh, bền vững: “...đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo...” và đồng thời “Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ” và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế đó là: “Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong bối cảnh CMCN lần thứ tư. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp..”. Theo đó, định hướng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.0 của Đảng và Nhà nước ta đã xác định trong giai đoạn tới cần thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm

nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

- Theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 19 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “*Quyết định biện pháp khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh*”.

- Theo quy định tại khoản 3, Điều 21 của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

- Theo quy định tại khoản 3, Điều 43 của Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ, quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “*Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình khoa học và công nghệ, quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và huy động các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ các hoạt động quy định tại Nghị định này*”.

- Theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “*Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, đề án, chương trình, kế hoạch về chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ tại địa phương*” và Công văn số 2804/BTP-VĐCXDPL ngày 10/8/2017 của Bộ Tư pháp về việc thông báo các nội dung giao địa phương quy định chi tiết các Luật, Nghị quyết được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3.

## **2. Về cơ sở thực tiễn:**

Trong những năm gần đây, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (gọi chung là doanh nghiệp) đã có những bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, theo số liệu thống kê tính đến ngày 15/3/2022 trên địa bàn tỉnh có 3.424 doanh nghiệp đang hoạt động đã có nhiều đóng góp tích cực vào nguồn thu ngân sách, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra thực trạng trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp theo ngành nghề sản xuất cho thấy: “*Trình độ và năng lực công nghệ sản xuất ở mức trung bình chiếm 95,0%, lạc hậu chiếm 2,9%, trung bình tiên tiến 2,1%, không có công nghệ tiên tiến, mức độ tự động hóa, mức độ đồng bộ của thiết bị công nghệ của các doanh nghiệp thấp, hoạt động cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ sản xuất mới đạt mức dưới trung bình, việc đầu tư dài hạn cùng với ứng dụng có chiều sâu khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị hạn chế, chưa có những đầu tư lớn, đột phá trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0, do nguồn vốn hạn*

*chế*<sup>1</sup>", với thực trạng trình độ và năng lực công nghệ như vậy, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, do vậy muốn nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các doanh nghiệp cần tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới thông qua hình thức thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ. Để thực hiện tốt điều này, tỉnh cần có chính sách khuyến khích cụ thể đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

Thời gian qua, triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp: *Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020; Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020.....* đã hỗ trợ cho 142 doanh nghiệp/tổ chức<sup>2</sup> đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng; ứng dụng và đổi mới máy móc thiết bị, mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả mang lại, thì việc hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế: (1) Số lượng các doanh nghiệp tham gia được hỗ trợ về công nghệ còn ít; (2) Chưa có Thông tư quy định cụ thể về định mức hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; (3) Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ (đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa) không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hợp đồng đầu tư của tỉnh Vĩnh Long vì Nghị quyết chỉ áp dụng hỗ trợ thu hút đối với các dự án đầu tư mới; (4) Hiện tại phương thức hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải qua các hội đồng xét duyệt, tồn nhiều thời gian do thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khó phù hợp với doanh nghiệp tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa có tiềm lực nghiên cứu yếu nên thời gian qua chưa thật sự thu hút sự quan tâm và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc lập thủ tục đề nghị hỗ trợ với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ theo phương thức này. Nguyên nhân, tỉnh chưa có cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ cho doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ từ nguồn cung công nghệ trên thị trường.

Từ cơ sở định hướng, pháp lý và thực tiễn nêu trên để thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương đã giao cho địa phương thực hiện các nhiệm vụ khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước và khắc phục những bất cập, hạn chế thời gian qua, việc đề nghị xây dựng và ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về "*Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp*

<sup>1</sup> Đề tài: "Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long"; Đề tài: "Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030".

<sup>2</sup> Hỗ trợ 52 doanh nghiệp/tổ chức về đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; Hỗ trợ 75 doanh nghiệp/tổ chức áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng; Hỗ trợ 15 doanh nghiệp/tổ chức ứng dụng và đổi mới máy móc thiết bị.

*chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long” là thực sự cần thiết.*

## **II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Mục đích:**

- Thi hành có hiệu quả các biện pháp thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước để hỗ trợ doanh nghiệp tại địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

- Nhằm chia sẻ gánh nặng và hỗ trợ một phần kinh phí cho các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ để cải thiện trình độ công nghệ và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp từ đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

### **2. Quan điểm xây dựng văn bản:**

Văn bản được xây dựng trên cơ sở quán triệt các quan điểm cơ bản sau đây:

- Biện pháp nhằm phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương thông qua việc cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm giúp doanh nghiệp tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế trong thời kỳ hội nhập, góp phần phát triển kinh tế-xã hội dựa trên nền tảng của tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phù hợp với tình hình, điều kiện thực tế của tỉnh.

- Chính sách được xây dựng hướng đến các nhóm đối tượng cụ thể đó là các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ. Thủ tục thực hiện đơn giản để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tham gia.

- Hoạt động hỗ trợ là công khai, minh bạch, hiệu quả thông qua việc xem xét và quyết định mức hỗ trợ của các cơ quan được giao trách nhiệm.

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện chính sách trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách tỉnh bố trí hằng năm cho hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ.

## **III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN**

### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

### **2. Đối tượng áp dụng:**

Các tổ chức, cá nhân (*gọi chung là doanh nghiệp*) có đăng ký và đang hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật tại tỉnh Vĩnh Long có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

## **IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

### **1. Chính sách 1. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ.**

**1.1. Mục tiêu chính sách:** Khuyến khích doanh nghiệp đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước làm cơ sở để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ thúc đẩy phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ. Giúp cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ kiểm soát tốt hoạt động chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

**1.2. Nội dung chính sách:**

**a) Nội dung hỗ trợ:**

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ không kèm máy móc, thiết bị, gồm: Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; Giải pháp hợp lý hóa sản xuất.

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị đi kèm theo một trong các đối tượng quy định nêu trên (bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp).

**b) Điều kiện được hỗ trợ:**

- Công nghệ chuyển giao không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ hoặc theo quy định của các Bộ, Ngành được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

- Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Các ngành nghề ưu tiên, như: ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử-cơ khí chế tạo, thông tin-viễn thông, năng lượng sạch, sản xuất vật liệu, chế biến-bảo quản, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương; Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ).

- Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa 01 hợp đồng/năm.

**c) Mức hỗ trợ:** Hỗ trợ 50% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và 30% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ tại vùng còn lại, nhưng tối đa không quá 1.000 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị và tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ không kèm theo máy móc, thiết bị (cơ sở để xuất nội dung và mức hỗ trợ tại Phụ lục kèm theo).

**d) Dự kiến số lượng, kinh phí hỗ trợ:**

- Số lượng dự kiến: 02 doanh nghiệp/năm;
- Tổng kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng/năm.

**d) Trình tự, thủ tục hỗ trợ (kèm theo dự thảo đề cương Nghị quyết).**

**1.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:**

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh dưới nhiều hình thức như phát hành văn bản, đăng tải chính sách trên các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến tại hội nghị, hội thảo tọa đàm... cũng như phổ biến, tuyên truyền tại các sự kiện

khoa học và công nghệ; khảo sát thực tế tại doanh nghiệp và vận động doanh nghiệp thực hiện. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xét duyệt hồ sơ và trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí trực tiếp.

- Giải pháp về trình tự, thủ tục: Ban hành trình tự, thủ tục, hồ sơ áp dụng hỗ trợ trực tiếp về công nghệ (không phải thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ)\tạo thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận tham gia.

- Giải pháp về nguồn vốn: Dự toán được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được bố trí theo quy định.

## **2. Chính sách 2. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ.**

**2.1. Mục tiêu chính sách:** Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất nhằm thúc đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ trên cơ sở ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, tiết kiệm nguyên - nhiên - vật liệu và năng lượng, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và thúc đẩy cải tiến, đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.

### **2.2. Nội dung chính sách:**

**a) Nội dung hỗ trợ:** Hỗ trợ một phần kinh phí Hợp đồng mua công nghệ, thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ (bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ).

#### **b) Điều kiện được hỗ trợ:**

- Doanh nghiệp có hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ có Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);

- Đổi mới công nghệ phải dựa trên nền tảng công nghệ của doanh nghiệp đang sử dụng, công nghệ được đổi mới phải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và tăng ít nhất 5% giá trị sản phẩm;

- Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ thực hiện đổi mới công nghệ tối đa 01 lần/năm.

**c) Mức hỗ trợ:** Hỗ trợ doanh nghiệp 50% kinh phí thực hiện dự án đổi mới công nghệ tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và 30% kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ tại vùng còn lại theo dự toán đã được thẩm định, phê duyệt nhưng tối đa không quá 2.000 triệu đồng/doanh nghiệp/năm (*cơ sở để xuất nội dung và mức hỗ trợ tại Phụ lục kèm theo*).

#### **d) Dự kiến số lượng, kinh phí hỗ trợ:**

- Số lượng dự kiến: 02 doanh nghiệp/năm;
- Tổng kinh phí dự kiến: 4.000 triệu đồng/năm.

#### **đ) Trình tự, thủ tục hỗ trợ (*kèm theo dự thảo đề cương Nghị quyết*).**

### **2.3. Giải pháp thực hiện chính sách đã được lựa chọn và lý do lựa chọn:**

- Tuyên truyền, phổ biến chính sách đến các doanh nghiệp đang hoạt động

sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh dưới nhiều hình thức như phát hành văn bản, đăng tải chính sách trên các phương tiện thông tin đại chúng, phổ biến tại hội nghị, hội thảo tọa đàm... cũng như phổ biến, tuyên truyền tại các sự kiện khoa học và công nghệ; khảo sát thực tế tại doanh nghiệp và vận động doanh nghiệp thực hiện. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức xét duyệt hồ sơ và trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ kinh phí trực tiếp.

- Giải pháp về trình tự, thủ tục: Ban hành trình tự, thủ tục, hồ sơ áp dụng hỗ trợ trực tiếp về công nghệ (không phải thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ)\tạo thuận lợi cho doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận tham gia.

- Giải pháp về nguồn vốn: Dự toán được UBND tỉnh phê duyệt hàng năm, chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm được bố trí theo quy định.

## **V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐÁM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA**

### **1. Nguồn kinh phí:**

Nguồn kinh phí thực hiện được trích từ kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ đã giao dự toán ngân sách hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

### **2. Nguồn nhân lực, điều kiện thực hiện Nghị quyết:**

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực tham mưu, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chính sách; phối hợp Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt kinh phí hỗ trợ.

## **VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VĂN BẢN**

Thời gian trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết: Tháng 7/2023.

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng Nghị quyết về quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo: (1) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (2) Báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; (3) Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết)

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở
- Lưu: VT, QLCN (lvl).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**PHỤ LỤC**

**Cơ sở tham khảo để xuất nội dung và mức hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**  
*(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

TT	Văn bản	Tỉnh/ thành phố	Căn cứ để xuất
<b>I Cơ sở pháp lý:</b>			
<i>1.1 Cơ sở để xuất nội dung chính sách</i>			
01	Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017		khoản 1, khoản 4 Điều 35
02	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ		Điều 8, Điều 12
<i>1.2 Cơ sở để xuất mức hỗ trợ</i>			
01	Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013		điểm a, khoản 2 Điều 32
02	Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ		điểm a, b khoản 4 Điều 38
03	Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn Nhà nước		điểm a, khoản 1 Điều 19
04	Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21/02/2011 của Bộ Tài chính-Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí		khoản 2, Điều 2
<b>II Tham khảo chính sách hỗ trợ về công nghệ của một số tỉnh/thành phố</b>			
01	Nghị quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	Bến Tre	1. Hỗ trợ đổi mới công nghệ. Mức hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện dự án, tối đa 02

			(hai) tỷ đồng/dự án;
02	Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/9/2021	Bình Phước	<p>2. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ. Mức hỗ trợ 30% kinh phí của dự án chuyển giao công nghệ, tối đa 01 (Một) tỷ đồng/dự án chuyển giao công nghệ.</p> <p>1. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ: hỗ trợ không quá 50% giá trị hợp đồng (không quá 01 tỷ đồng/đơn vị) mua công nghệ, giải pháp kỹ thuật, quy trình công nghệ, thiết kế kỹ thuật, bí quyết công nghệ;</p> <p>2. Hỗ trợ mua máy móc, thiết bị mới tiên tiến, hiện đại trong dây chuyền sản xuất, kiểm tra chất lượng, sản phẩm: không quá 30% chi phí hỗ trợ nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án/chương trình/đơn vị.</p>
03	Nghị quyết số 89/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019	Vĩnh Phúc	<p>1. Hỗ trợ đổi mới công nghệ. Mức hỗ trợ 30% tổng kinh phí thực hiện dự án, tối đa không quá 3 tỷ đồng/dự án;</p> <p>2. Hỗ trợ kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ. Mức hỗ trợ 50% kinh phí của hợp đồng chuyển giao công nghệ, tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ.</p>
04	Nghị quyết số 82/2019/NQ-HĐND ngày 12/4/2019	Trà Vinh	<p>1. Hỗ trợ trực tiếp 50% kinh phí cho chuyển giao, ứng dụng công nghệ (chi phí mua bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; phương án, quy trình công nghệ;....) và chi phí huấn luyện, hướng dẫn lắp đặt thiết bị, kiểm tra vận hành thử. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án;</p> <p>2. Hỗ trợ trực tiếp 30% kinh phí mua sắm, máy móc thiết bị phục vụ chuyển giao hoặc đổi mới máy móc thiết bị hoặc mở rộng quy mô sản xuất</p>

			(nhằm ứng dụng công nghệ thuộc diện khích khuyến chuyển giao). Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.
05	Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021	Đồng tháp	<p>Hỗ trợ chi phí chuyển giao công nghệ đối với các hợp đồng chuyển giao công nghệ có đăng ký chuyển giao được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp xác nhận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Chuyển giao công nghệ không kèm máy móc, thiết bị (hỗ trợ cho các nội dung như: chi phí tư vấn, đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật; chuyển giao phương án, quy trình công nghệ; chuyển giao giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu): 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng.</li> <li>Chuyển giao công nghệ có kèm máy móc, thiết bị: 50% giá trị hợp đồng nhưng không quá 200 triệu đồng/hợp đồng.</li> </ol>
06	Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019	Lai Châu	Hỗ trợ 30% tổng kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ, dự án ứng dụng và đổi mới công nghệ nhưng không quá 500 triệu đồng.
07	Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019	Quảng Nam	<p>1. Hỗ trợ hợp đồng chuyển giao công nghệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị trên 1 tỷ đồng: Hỗ trợ 20% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 400 triệu đồng/hợp đồng;</li> <li>Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng: Hỗ trợ 25% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/hợp đồng;</li> <li>Hợp đồng chuyển giao công nghệ có giá trị dưới 500 triệu</li> </ul>

			<p>đồng: Hỗ trợ 30% giá trị hợp đồng, nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng hợp đồng.</p> <p><b>2. Hỗ trợ thực hiện dự án đổi mới công nghệ, thiết bị:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có giá trị trên 2 tỷ đồng: Hỗ trợ 20% giá trị, nhưng tối đa không quá 450 triệu đồng/01 dự án;</li> <li>- Dự án có giá trị từ 1 đến 2 tỷ đồng: Hỗ trợ 25% giá trị, nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/01 dự án;</li> <li>- Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng: Hỗ trợ 30% giá trị, nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/01 dự án.</li> </ul>
08	Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021	Quảng Trị	Hỗ trợ chuyển giao quy trình công nghệ; hoàn thiện, đổi mới công nghệ. Mức hỗ trợ tối đa 30% tổng mức kinh phí đầu tư và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án.
09	Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020	Bình Định	Hỗ trợ chuyển giao công nghệ: Mức hỗ trợ đến 30% giá trị Hợp đồng chuyển giao công nghệ, nhưng tối đa không quá 400.000.000 đồng và không quá một hợp đồng/đơn vị/ năm.



Số: /BC-SKHCN

Vĩnh Long, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

## BÁO CÁO

### ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

## I. XÁC ĐỊNH VĂN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

### 1. Bối cảnh xây dựng chính sách

(1) **Quốc tế:** Khoa học và Công nghệ đã đưa công nghiệp thế giới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, với hệ thống liên kết thực - ảo đang xóa mờ ranh giới giữa con người và máy móc nhằm nâng cao đáng kể hiệu quả sản xuất và cho phép tạo ra sản phẩm riêng biệt và thay đổi các mô hình kinh tế để tiến đến nền kinh tế sáng tạo; (2) **Trong nước:** Đảng và Chính phủ đưa ra nhiều quyết sách để hướng nền kinh tế phát triển dựa trên nền tảng tri thức và khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành nhiều chiến lược, chương trình, kế hoạch trong lĩnh vực Khoa học- Công nghệ giai đoạn 2021-2030; (3) **Trong tỉnh:** Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra một trong những nhiệm vụ và giải pháp để phát triển kinh tế đó là: “*Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong bối cảnh CMCN lần thứ tư. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là từ doanh nghiệp..*”. Theo kết quả điều tra thực trạng trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp theo ngành nghề sản xuất trên địa bàn tỉnh cho thấy: “*Trình độ và năng lực công nghệ sản xuất ở mức trung bình chiếm 95,0%, lạc hậu chiếm 2,9%, trung bình tiên tiến 2,1%, không có công nghệ tiên tiến, mức độ tự động hóa, mức độ đồng bộ của thiết bị công nghệ của các doanh nghiệp thấp, hoạt động cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ sản xuất mới đạt mức dưới trung bình, việc đầu tư dài hạn cùng với ứng dụng có chiều sâu khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị hạn chế, chưa có những đầu tư lớn, đột phá trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0, do nguồn vốn hạn chế<sup>1</sup>*”, với thực trạng trình độ công nghệ như vậy, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, do đó, muốn nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các doanh nghiệp cần tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới thông qua hình thức

<sup>1</sup> Đề tài: “Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”; Đề tài: “Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030”.

thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ. Để thực hiện tốt điều này, tỉnh cần có chính sách khuyến khích cụ thể đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân về chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ. Thời gian qua, triển khai thực các chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp: *Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020; Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2016-2020.....* đã hỗ trợ cho 142 doanh nghiệp/tổ chức<sup>2</sup> đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng; ứng dụng và đổi mới máy móc thiết bị, mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả mang lại, thì việc hỗ trợ về khoa học và công nghệ cho doanh nghiệp của tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế: (1) Số lượng các doanh nghiệp tham gia được hỗ trợ về công nghệ còn ít so với tổng số doanh nghiệp của tỉnh; (2) Chưa có Thông tư quy định cụ thể về định mức hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ; (3) Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ (đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa) không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định chính sách hợp đồng đầu tư của tỉnh Vĩnh Long vì Nghị quyết chỉ áp dụng hỗ trợ đối với các dự án đầu tư mới; (4) Hiện tại phương thức hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải qua các hội đồng xét duyệt, tốn nhiều thời gian do thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khó phù hợp với doanh nghiệp tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ và vừa có tiềm lực nghiên cứu yếu nên thời gian qua chưa thật sự thu hút sự quan tâm và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc lập thủ tục đề nghị hỗ trợ với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ theo phương thức này. Nguyên nhân, tỉnh chưa có cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ cho doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ từ nguồn cung công nghệ trên thị trường (không phải thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

Từ cơ sở định hướng, pháp lý và thực tiễn nêu trên để thực hiện chủ trương, chính sách của Trung ương đã giao cho địa phương thực hiện các nhiệm vụ khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước và khắc phục những bất cập, hạn chế thời gian qua, việc đề nghị xây dựng và ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về “*Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long*” là thực sự cần thiết.

## 2. Mục tiêu xây dựng chính sách

### 2.1. Mục tiêu tổng thể:

Ban hành Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Trung ương và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; Tạo hành lang pháp lý minh bạch, rõ ràng, đồng bộ, thống nhất về nội dung hỗ trợ

<sup>2</sup> Hỗ trợ 52 doanh nghiệp/tổ chức về đăng ký bảo hộ và phát triển tài sản trí tuệ; Hỗ trợ 75 doanh nghiệp/tổ chức áp dụng các công cụ cải tiến nâng cao năng suất, chất lượng; Hỗ trợ 15 doanh nghiệp/tổ chức ứng dụng và đổi mới máy móc thiết bị.

ngân sách nhà nước trong hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp (đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ) nâng cao trình độ công nghệ nhằm góp phần hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, có giá trị kinh tế cao, thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng.

- Nâng cao nhận thức và năng lực của các tổ chức, cá nhân về ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất, kinh doanh và bảo vệ môi trường. Tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất nông lâm thủy sản, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp.

- Xây dựng mức hỗ trợ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội, ngân sách của tỉnh.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1.Chính sách 1: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ**

#### **1.1. Xác định vấn đề bất cập:**

Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có trình độ và năng lực công nghệ thấp, vốn đầu tư hạn chế, tuy có nhu cầu chuyển giao công nghệ nhưng không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của HĐND tỉnh ban hành quy định chính sách hợp tác đầu tư của tỉnh Vĩnh Long vì Nghị quyết chỉ áp dụng hỗ trợ thu hút đối với các dự án đầu tư mới. Việc hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ được quy định tại Điều 8, Mục 1, Chương III Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ với phương thức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đòi hỏi qua các hội đồng xét duyệt, tốn nhiều thời gian do thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khó phù hợp với doanh nghiệp tỉnh chủ yếu quy mô nhỏ và vừa có tiềm lực nghiên cứu yếu, đồng thời chưa có hướng dẫn quy định cụ thể về định mức hỗ trợ nên thời gian qua chưa thật sự thu hút sự quan tâm và khuyến khích doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ theo phương thức này.

#### **1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Khuyến khích doanh nghiệp đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với cơ quan quản lý Nhà nước làm cơ sở để hỗ trợ doanh nghiệp một phần chi phí từ nguồn ngân sách khoa học và công nghệ của địa phương để thúc đẩy phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh sản phẩm. Giúp cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ kiểm soát tốt hoạt động chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

#### **1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

- 1.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ.

- 1.3.2. Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao

công nghệ.

a) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ không kèm máy móc, thiết bị, gồm: Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; Giải pháp hợp lý hóa sản xuất.

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị đi kèm theo một trong các đối tượng quy định nêu trên (bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp).

b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Công nghệ chuyển giao không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ hoặc theo quy định của các Bộ, Ngành được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

- Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Các ngành nghề ưu tiên, như: ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử-cơ khí chế tạo, thông tin-viễn thông, năng lượng sạch, sản xuất vật liệu, chế biến-bảo quản, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương; Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ).

- Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa 01 hợp đồng/năm.

c) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ 50% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và 30% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ tại vùng còn lại, nhưng tối đa không quá 1.000 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị và tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ không kèm theo máy móc, thiết bị.

d) Dự kiến số lượng, kinh phí hỗ trợ:

- Số lượng dự kiến: 02 doanh nghiệp/năm;

- Tổng kinh phí dự kiến: 2.000 triệu đồng/năm.

#### **1.4. Đánh giá tác động của giải pháp đối với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:**

##### *1.4.1. Giải pháp I: Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ.*

a) Tác động về kinh tế:

- *Đối với Nhà nước:* Tác động tích cực là tinh không phải tốn ngân sách để hỗ trợ. Tác động tiêu cực là không có chính sách nên chưa tạo được sức hấp dẫn, thu hút tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ để được hỗ trợ theo chủ trương của Chính phủ.

- *Đối với đối tượng:* Không có tác động tích cực đến doanh nghiệp. Tác động tiêu cực là doanh nghiệp không được hỗ trợ sẽ không có đủ nguồn vốn để đầu tư chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh

tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường vì doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là nhỏ và vừa có năng lực trình độ công nghệ và vốn đầu tư hạn chế.

b) Tác động về mặt xã hội: Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là không tạo được động lực để doanh nghiệp quan tâm đầu tư chuyển giao công nghệ.

c) Không có tác động về giới và thủ tục hành chính, riêng đối với hệ thống pháp luật là chưa thể chế hóa cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước là có cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

*1.4.2. Giải pháp 2: Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ.*

a) Tác động về kinh tế:

- *Đối với Nhà nước:* Tác động tiêu cực là Nhà nước phải cân đối ngân sách để hỗ trợ. Tác động tích cực giúp cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát tốt hoạt động chuyển giao công nghệ trong doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ chính sách; doanh nghiệp được hỗ trợ hoạt động hiệu quả sẽ đóng góp nguồn thu ngân sách thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Đối với đối tượng:* Không có tác động tiêu cực. Tác động tích cực là thu hút được nhiều doanh nghiệp thực hiện đầu tư chuyển giao công nghệ mới thay thế công nghệ cũ, công nghệ lạc hậu giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

b) Tác động về mặt xã hội: Không có tác động tiêu cực. Tác động tích cực là khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các công nghệ mới, công nghệ hiện đại nhằm thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, tạo việc làm góp phần tăng thu nhập cho người lao động.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền lợi, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này đảm bảo tính hợp hiến hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật. Giải pháp được xây dựng xuất phát từ tình hình thực tế của tỉnh trên cơ sở Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 giao cho địa phương và thể chế hóa cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách hỗ trợ làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt hỗ trợ; Việc ban hành trình tự, thủ tục hỗ trợ sẽ tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước (*đính kèm Phụ lục đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ Tư pháp*).

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 2. Lý do: Phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước luôn coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, có cơ chế, chính sách

kinh tế, tài chính khuyễn khích các doanh nghiệp tham gia chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển kinh tế-xã hội. Chính sách này thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **2. Chính sách 2: Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ**

### **2.1. Xác định các vấn đề bất cập:**

Thực trạng năng lực và trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh thuộc trung bình đến lạc hậu, không có công nghệ tiên tiến, nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp hạn chế nên việc đầu tư đổi mới công nghệ để bắt kịp xu thế của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư là hết sức khó khăn; Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/8/2017 của HĐND tỉnh; Việc hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ được quy định tại Điều 12, Mục 1, Chương III Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ với phương thức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải qua các hội đồng xét duyệt, tồn nhiều thời gian do thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khó phù hợp với doanh nghiệp chủ yếu quy mô nhỏ và vừa có tiềm lực nghiên cứu yếu, đồng thời chưa có hướng dẫn quy định cụ thể về định mức hỗ trợ nên thời gian qua chưa thật sự thu hút sự quan tâm và khuyến khích doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh lập thủ tục đề nghị với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ theo phương thức này.

### **2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề:**

Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, hợp lý hóa sản xuất, nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ trên cơ sở ứng dụng thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần tiết kiệm nguyên-nhiên-vật liệu và năng lượng, nâng cao năng suất và trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:**

2.3.1. *Giải pháp 1:* Giữ nguyên hiện trạng. Không ban hành chính sách hỗ trợ.

2.3.2. *Giải pháp 2:* Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ:

#### a) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ một phần kinh phí mua công nghệ, thiết bị (bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ).

#### b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Doanh nghiệp có hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ có Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);

- Đổi mới công nghệ phải dựa trên nền tảng công nghệ của doanh nghiệp đang sử dụng, công nghệ được đổi mới phải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và tăng ít nhất 5% giá trị sản phẩm;

- Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ thực hiện đổi mới công nghệ tối đa 01 lần/năm.

c) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ doanh nghiệp 50% kinh phí thực hiện dự án đổi mới công nghệ tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và 30% kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ tại vùng còn lại theo dự toán đã được thẩm định, phê duyệt nhưng tối đa không quá 2.000 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

d) Dự kiến số lượng, kinh phí hỗ trợ:

- Số lượng dự kiến: 02 doanh nghiệp/năm;
- Tổng kinh phí dự kiến: 4.000 triệu đồng/năm.

#### **2.4. Đánh giá tác động của giải pháp đổi với đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:**

2.4.1. *Giải pháp 1:* Không ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện theo các quy định hiện hành.

a) Tác động về kinh tế:

- *Đối với Nhà nước:* Tác động tích cực là tinh thần không phải tốn ngân sách để hỗ trợ. Tác động tiêu cực là không có chính sách đặc thù nên không tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, hiện đại hóa công nghệ theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, dẫn đến năng suất sản xuất, sản phẩm của doanh nghiệp có sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động kém, gây ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách tỉnh từ thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Đối với đối tượng được hỗ trợ:* Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là doanh nghiệp không được hỗ trợ sẽ không có đủ nguồn lực để đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa trên thị trường vì doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là nhỏ và vừa có năng lực trình độ công nghệ và vốn đầu tư hạn chế.

b) Tác động về mặt xã hội: Không có tác động tích cực. Tác động tiêu cực là không tạo được động lực để doanh nghiệp quan tâm đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa công nghệ nên sức cạnh tranh của sản phẩm kém, sản xuất không hiệu quả và có nguy cơ doanh nghiệp bị phá sản. Theo đó, sẽ có nhiều lao động mất việc làm, mất thu nhập và dẫn đến việc phát sinh nhiều vấn đề tiêu cực trong xã hội.

c) Không có tác động về giới và thủ tục hành chính, riêng đối với hệ thống pháp luật là chưa thể chế hóa cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước là lấy doanh nghiệp làm trung tâm nghiên cứu phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

2.4.2. *Giải pháp 2:* Ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

a) Tác động về kinh tế:

- *Đối với Nhà nước:* Tác động tiêu cực là Nhà nước phải cân đối ngân sách để hỗ trợ. Tác động tích cực là doanh nghiệp sau khi được hỗ trợ đổi mới công nghệ sẽ hoạt động hiệu quả hơn trước nên sẽ tăng đóng góp vào nguồn thu ngân sách thông qua thuế thu nhập doanh nghiệp.

- *Đối với đối tượng được hỗ trợ:* Không có tác động tiêu cực. Tác động tích cực là khuyến khích, thu hút được nhiều doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh thực hiện đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, sản xuất hiệu quả hơn, tăng khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế.

b) Tác động về mặt xã hội: Không có tác động tiêu cực. Tác động tích cực là doanh nghiệp phát triển và hoạt động hiệu quả sẽ góp phần tăng thu nhập và việc làm ổn định cho người lao động.

c) Tác động về giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền lợi, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

d) Tác động đối với hệ thống pháp luật: Giải pháp này đảm bảo tính hợp hiến hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật. Giải pháp được xây dựng xuất phát từ tình hình thực tế của tỉnh trên cơ sở Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 giao cho địa phương và thể chế hóa cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước.

đ) Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách hỗ trợ làm phát sinh thủ tục hành chính liên quan đến công tác thẩm định, phê duyệt hỗ trợ; Việc ban hành trình tự, thủ tục hỗ trợ sẽ tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản cho các tổ chức, cá nhân được thụ hưởng chính sách; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức cá nhân, đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước (*đính kèm Phụ lục đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/2/2022 của Bộ Tư pháp*).

e) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 2. Lý do: Phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước luôn coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Chính sách này thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **III. LẤY Ý KIẾN**

Dự thảo báo cáo đánh giá tác động chính sách, cùng với các hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết được lấy ý kiến bằng văn bản gửi đến bộ ngành liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan góp ý kiến; đồng thời đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Vĩnh Long để lấy ý kiến tham gia góp ý của các tổ chức, cá nhân.

### **IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

1. Sở khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thi hành chính sách. Đồng thời, theo dõi, đánh giá hiệu quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Vĩnh Long, các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, đánh giá việc thi hành chính sách.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long./.

## GIÁM ĐỐC

### *Noi nhận:*

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp (phối hợp);
- BGĐ sở;
- Lưu: VT, QLCN (lvl).

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo báo cáo số: /BC-SKHCN ngày tháng năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ)

UBND TỈNH VĨNH LONG  
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN**

**Tên văn bản đề nghị xây dựng:** Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long

**Tên chính sách :** Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

<b>1. Dự kiến nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?</b>	<p>a) <i>Nội dung về ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</i></p> <p>Doanh nghiệp đang hoạt sản xuất trên địa bàn tỉnh có năng lực và trình độ công nghệ hạn chế. Do vậy, việc quy định Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long là phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước luôn coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới, ứng dụng công nghệ; Thực hiện trách nhiệm được giao tại khoản 1 Điều 56 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 là ban hành chính sách phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p> <p>b) <i>Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</i></p> <p>Hiện tại phuong thức hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải qua các hội đồng xét duyệt, tồn nhiều thời gian do thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khó phù hợp với doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa có tiềm lực nghiên cứu yếu nên thời gian qua chưa thật sự thu hút và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc lập thủ tục đề nghị hỗ trợ với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ theo phuong thức này. Vì vậy, tinh cần ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ từ nguồn cung cấp công nghệ trên thị trường (không phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu để phát triển công nghệ) nhằm đơn giản hóa các thủ tục hỗ trợ để quá trình triển khai được bảo đảm thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả, đúng đối tượng được thụ hưởng. đảm bảo tính hợp lý trong quá trình xem xét, tham mưu cấp có thẩm quyền Quyết định hỗ trợ, tránh lãng phí thời gian và nguồn lực trong quá trình xem xét hỗ trợ cho các đối tượng có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ. Quy định này cũng ràng buộc trách nhiệm trong việc lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và đảm bảo tính thống nhất cho cơ quan quản lý xem xét, quyết định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của tỉnh nhằm tránh khiếu nại, khiếu kiện. Đồng thời đảm bảo quy trình chặt chẽ, chuyên nghiệp, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ; đảm bảo công khai minh bạch trong thực hiện chính sách và sự bình đẳng cho các đối tượng đủ điều kiện có nhu cầu đề nghị hỗ trợ.</p>
---	--

<p><b>2. Dự kiến nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</b></p>	<p><b>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Quyền của tổ chức, cá nhân:</i> Có quyền đề nghị nhà nước hỗ trợ từ ngân sách khi đáp ứng các điều kiện quy định của chính sách.</li> <li>- <i>Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân:</i> Đăng ký hợp đồng mua bán công nghệ phục vụ chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để làm cơ sở đề nghị hỗ trợ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thành phần hồ sơ theo điều kiện của chính sách, đảm bảo sử dụng công nghệ được hỗ trợ phục vụ quá trình sản xuất với thời gian cam kết cụ thể.</li> <li>- <i>Lợi ích của các đối tượng này được bảo đảm:</i> Được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động nâng cao năng lực trình độ công nghệ sản xuất; tạo thuận lợi cho đối tượng có nhu cầu lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.</li> </ul> <p><b>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định cụ thể về định mức hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ;</li> <li>- Tuân thủ các quy định của chính sách và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo điều kiện của chính sách của đối tượng có nhu cầu khi cung cấp hồ sơ cho cơ quan có trách nhiệm thẩm định hồ sơ;</li> <li>- Thủ tục hành chính không chồng chéo, trùng lặp với các thủ tục hành chính khác; đồng thời quy định cụ thể trình tự thực hiện, cách thực hiện, thành phần hồ sơ, biểu mẫu đề nghị hỗ trợ, thời gian và thẩm quyền giải quyết cụ thể trong dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết này.</li> </ul>
<p><b>3. Dự kiến những phương án, giải pháp có thể sử dụng để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích</b></p>	<p><b>a) Quy định thủ tục hành chính: <input checked="" type="checkbox"/></b> Tên thủ tục hành chính: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ Thủ tục hành chính được: Quy định mới <input checked="" type="checkbox"/> Sửa đổi, bổ sung <input type="checkbox"/></p> <p><b>b) Sử dụng các phương án, giải pháp khác không phải bằng quy định thủ tục hành chính: <input type="checkbox"/></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương án giải pháp 1: .....</li> <li>- Phương án, giải pháp 1: .....</li> </ul>

<b>hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</b>	
<b>4. Lý do lựa chọn phương án, giải pháp để xuất quy định thủ tục hành chính?</b>	<p><b>Tên thủ tục hành chính:</b> Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ</p> <p><b>Lý do lựa chọn:</b> Đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về công nghệ trên địa bàn tỉnh thông qua hoạt động đăng ký hợp đồng mua bán công nghệ của doanh nghiệp với cơ quan quản lý về khoa học và công nghệ tại địa phương làm cơ sở để hỗ trợ trực cho doanh nghiệp tiếp nhận từ nguồn cung cấp công nghệ trên thị trường (không phải thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu để phát triển công nghệ phải qua các hội đồng xét duyệt, tổn nhiều thời gian); Khuyên khích các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương; tạo thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả, đúng đối tượng được thụ hưởng. Trong đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết có hai chính sách hỗ trợ (chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ) nhưng nội dung, điều kiện hỗ trợ chủ yếu về công nghệ, do đó chỉ cần ban hành một thủ tục hành chính là đầy đủ để triển khai áp dụng hỗ trợ cho doanh nghiệp.</p>

## II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP, TÍNH HỢP LÝ, CHI PHÍ TUÂN THỦ CỦA TÙNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1.1. Tính hợp pháp của thủ tục hành chính

<b>1.1.1. Có đề xuất theo đúng thẩm quyền không?</b>	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> <p><i>Nêu rõ lý do:</i> Nội dung chính sách được ban hành trên cơ sở của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 được cụ thể hóa theo tính chất đặc thù để hỗ trợ doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh về công nghệ nên đảm bảo tính hợp pháp, đồng bộ, thống nhất quy định pháp luật và đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p>
<b>1.1.2. Có mẫu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</b>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>          Nếu Có, đề nghị xác định rõ:          + Tên bộ phận tạo thành: .....          + Nêu tên văn bản tương ứng: .....          + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản: .....</p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>          Nếu Có, đề nghị xác định rõ:          + Tên bộ phận tạo thành: .....          + Nêu tên văn bản tương ứng: .....          + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản: .....</p> <p>- VỚI điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/>          Nếu Có, đề nghị xác định rõ:          + Tên bộ phận tạo thành: .....          + Nêu điều ước quốc tế tương ứng: .....          + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế</p>

	hoặc lý do vẫn đề xuất như tại đề nghị xây dựng văn bản: .....
<b>1.2. Tính hợp lý của thủ tục hành chính</b>	
<b>1.1.1. Tên thủ tục hành chính</b>	
Có được xác định rõ và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p><i>Nêu rõ lý do:</i> Tên thủ tục hành chính đã được xác định rõ về đối tượng, điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục giải quyết chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp và phù hợp với điều kiện thực tế. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long.</p>
<b>1.1.2. Đối tượng thực hiện</b>	
a) Đối tượng thực hiện:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></li> <li>- Cá nhân: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></li> <li>- <i>Lý do quy định:</i> Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh (<i>gọi chung là doanh nghiệp</i>) có năng lực và trình độ công nghệ hạn chế nên cần được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí về công nghệ để nâng cao trình độ công nghệ sản xuất, việc này phù hợp với quy định khoản 1, khoản 4 Điều 35 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Điều 8, Điều 12 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</li> <li>- Có thể mở rộng/thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</li> </ul> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p><i>Nêu rõ lý do:</i> Đối tượng hỗ trợ là doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất là phù hợp với thực trạng của tỉnh.</p>
b) Phạm vi áp dụng:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input checked="" type="checkbox"/></li> <li>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></li> <li>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></li> <li>- <i>Lý do quy định:</i> Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và sức cạnh tranh trên thị trường góp phần phát triển doanh nghiệp sản xuất dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại là phù hợp với định hướng phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Vĩnh Long.</li> <li>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</li> </ul> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p><i>Nêu rõ lý do:</i> Đây là chính sách hỗ trợ về công nghệ riêng của địa phương cho doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có trình độ công nghệ hạn chế trên cơ sở thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.</p>
<b>1.1.3. Cơ quan giải quyết</b>	
a) Có được xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p><i>Lý do quy định:</i> Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tham mưu thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ và trả kết quả cho đối tượng được nhận hỗ trợ.</p>

chính không?	
b) Có thẻ mở rộng Ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> <i>Nêu rõ lý do:</i> để đảm bảo tính thực thi áp dụng của chính sách

### 1.3. Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính

Có xác định phải nộp phí, lệ phí và các chi phi khác (nếu có) không?	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></li> <li>Nếu Có, nêu rõ lý do: .....</li> <li>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></li> <li>Nếu Có, nêu rõ lý do: .....</li> <li>- Chi phí khác (nếu có): Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></li> <li>Nếu Có, nêu rõ lý do: .....</li> </ul>
---	--

### III. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Lưu Văn Lợi.

Điện thoại cố định: 0703.862700; Di động: 090.9943350; E-mail: luuvanloi208@gmail.com

Số: /BC-SKHCN

Vĩnh Long, ngày tháng 12 năm 2022

DỰ THẢO

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách

Để có đủ cơ sở đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Sở Khoa học và Công nghệ lập báo cáo đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách như sau.

**I. Về chính sách có liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.**

*1.1. Đối với Trung ương:*

Công nghệ luôn được xem là trung tâm của phát triển kinh tế-xã hội và thúc đẩy chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ thông qua việc tiếp cận và sử dụng công nghệ mới đã trở thành một thành phần quan trọng của các chiến lược phát triển trên toàn thế giới. Do vậy, thời gian qua Trung ương đã ban hành cơ chế, chính sách Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ được quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 35 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Điều 8, Điều 12 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

*1.2. Đối với Tỉnh:*

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp về công nghệ đã được tỉnh ban hành theo Nghị quyết 97/2018/NQ-HĐND ngày 01/02/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh có quy định về hỗ trợ 30% kinh phí đối với dự án đổi mới công nghệ (Điều 18). Bên cạnh, tỉnh có ban hành thủ tục hành chính hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ theo Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 (Quyết định số 2173/QĐ-UBND ngày 12/10/2018) qua phương thức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

*1.3. Đánh giá chung quá trình triển khai thực hiện các chính sách*

- *Thuận lợi:* Chính sách của Trung ương và của tỉnh đã tạo hành lang pháp lý để triển khai công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về công nghệ, qua đó góp phần thu hút đầu tư, cải thiện trình độ công nghệ và năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp từ đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng suất, hợp lý hóa sản xuất, tạo sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng, giá trị kinh tế cao, thân thiện

với môi trường và tiết kiệm năng lượng.

- **Khó khăn:** Đối với chính sách của Trung ương tại khoản 1, khoản 4 Điều 35 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và Điều 8, Điều 12 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ chưa có quy định về định mức hỗ trợ cụ thể, phương thức hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải qua các hội đồng xét duyệt, tốn nhiều thời gian do thực hiện theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khó phù hợp với doanh nghiệp tỉnh chủ yếu quy mô nhỏ và vừa có tiềm lực nghiên cứu yếu nên thời gian qua chưa thật sự thu hút sự quan tâm và khuyến khích doanh nghiệp tham gia đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc lập thủ tục đề nghị hỗ trợ với cơ quan quản lý nhà nước để được hỗ trợ theo phương thức này. Đối với chính sách của tỉnh về công nghệ tại Nghị quyết số 97/2018/NQ-HĐND chỉ áp dụng hỗ trợ thu hút đối với các dự án đầu tư mới, các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất trên địa bàn tỉnh có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ (đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ và vừa) không thuộc đối tượng hỗ trợ theo chính sách này, vì Nghị quyết.

- *Kiến nghị:*

Trong sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn cần đến những giải pháp công nghệ để tăng năng suất và hoạt động hiệu quả ở tất cả các khâu. Đặc biệt, trước những thay đổi nhanh chóng từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nếu doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh không thích ứng nhanh và tận dụng lợi thế từ nền tảng công nghệ hiện đại để chuyển giao đổi mới, tối ưu hóa sản xuất sẽ phải đổi mới với nguy cơ bị tụt hậu và khó có thể tồn tại. Nhằm khắc phục các khó khăn nêu trên và cụ thể hóa chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện doanh nghiệp của tỉnh. Do vậy, tỉnh cần có cơ chế, chính sách riêng, tạo thuận lợi để hỗ trợ cho doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

## II. Về thực trạng năng lực trình độ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

Hoạt động đánh giá hiện trạng trình độ công nghệ không chỉ còn là chủ trương của Bộ Khoa học và Công nghệ muôn tăng cường công tác đánh giá và quản lý hiện trạng công nghệ ở các tỉnh, thành phố, để phục vụ tốt hơn cho việc hoạch định chính sách mà còn phục vụ nhiều đối tượng khác nhau như các Sở KH&CN, các tổ chức nghiên cứu, cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp có thể nhận thức, xem xét đánh giá, so sánh phân tích trong xây dựng chiến lược, phục vụ quá trình đầu tư chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp tại địa phương cũng như hỗ trợ định hướng sản xuất sản phẩm theo chuỗi giá trị, liên kết trong khu vực.

Trên cơ sở đó, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với Trường Đại học Cần Thơ tiến hành điều tra đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực ngành nghề như: sản xuất chế biến thực

phẩm-đồ uống, sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại; cơ khí lắp ráp; chế biến chế tạo khác trên địa bàn tỉnh Vĩnh Lon. Qua kết quả điều tra thực trạng trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp theo ngành nghề sản xuất cho thấy: “Trình độ và năng lực công nghệ sản xuất ở mức trung bình chiếm 95,0%, lạc hậu chiếm 2,9%, trung bình tiên tiến 2,1%, không có công nghệ tiên tiến, mức độ tự động hóa, mức độ đồng bộ của thiết bị công nghệ của các doanh nghiệp thấp, hoạt động cải tiến quy trình sản xuất, áp dụng công nghệ sản xuất mới đạt mức dưới trung bình, việc đầu tư dài hạn cùng với ứng dụng có chiều sâu khoa học và công nghệ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bị hạn chế, chưa có những đầu tư lớn, đột phá trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần 4.0, do nguồn vốn hạn chế<sup>1</sup>” với thực trạng trình độ công nghệ như vậy, các doanh nghiệp đang sản xuất trên địa bàn tỉnh chưa đủ năng lực để sản xuất tạo sản phẩm có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, do đó, muốn nâng cao được năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất các doanh nghiệp cần tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới thông qua hình thức thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ. Để thực hiện tốt điều này, tỉnh cần ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ cho doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ từ nguồn cung cấp công nghệ trên thị trường (không phải thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ).

Trên đây là báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ về Đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long./.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (để b/c);
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLCN (lvl)

**GIÁM ĐỐC**

---

<sup>1</sup> Đề tài: “Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long”; Đề tài: “Nghiên cứu mô hình tăng trưởng kinh tế tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030”.



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

Số: /2022/NQ-HĐND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG  
KHÓA ..... KỲ HỌP THỨ .....**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và Báo cáo thẩm tra số...../BC-HĐND ngày.....tháng.... năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân (*gọi chung là doanh nghiệp*) có đăng ký và đang hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật tại tỉnh Vĩnh Long có nhu cầu chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ.

## **Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ**

1. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Chỉ hỗ trợ đối với các nội dung chưa nhận hỗ trợ từ các nguồn kinh phí khác của Nhà nước.

3. Trường hợp các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết đồng thời đáp ứng điều kiện theo Quy định này và các quy định khác có liên quan thì được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi ích nhất.

4. Doanh nghiệp nhận hỗ trợ phải đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định hiện hành của Nhà nước, không vi phạm pháp luật và đang hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký sản xuất, kinh doanh (theo cam kết của doanh nghiệp); chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực đối với các tài liệu liên quan cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước, cũng như các nội dung đã cam kết bằng văn bản trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

5. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan thực hiện hỗ trợ quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc: Doanh nghiệp nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được nhận hỗ trợ trước và ưu tiên cho đối tượng được hỗ trợ lần đầu.

## **Điều 3. Nội dung chính sách hỗ trợ**

### **1. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ**

#### **a) Nội dung hỗ trợ:**

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ không kèm máy móc, thiết bị, gồm: Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ; Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu; Giải pháp hợp lý hóa sản xuất.

- Hỗ trợ một phần kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị đi kèm theo một trong các đối tượng quy định nêu trên (bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ cho doanh nghiệp).

#### **b) Điều kiện được hỗ trợ:**

- Công nghệ chuyển giao không thuộc danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, danh mục công nghệ cấm chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ hoặc theo quy định của các Bộ, Ngành được được Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định, nghiệm thu theo quy định.

- Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; Các ngành nghề ưu tiên, như: ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử-cơ khí chế tạo, thông tin-viễn thông, năng lượng sạch, sản xuất vật liệu, chế biến-bảo quản, sản xuất các sản phẩm chủ lực, đặc sản địa phương; Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công

nghệ).

- Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ tối đa 01 hợp đồng/năm.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và 30% kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ tại vùng còn lại nhưng tối đa không quá 1.000 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ có kèm theo máy móc, thiết bị và tối đa không quá 500 triệu đồng/hợp đồng chuyển giao công nghệ không kèm theo máy móc, thiết bị.

## 2. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ

### a) Nội dung hỗ trợ:

Hỗ trợ một phần kinh phí Hợp đồng mua công nghệ, thiết bị phục vụ đổi mới công nghệ (bao gồm: thuê chuyên gia tư vấn phục vụ đánh giá hiệu chỉnh thiết bị, quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ).

### b) Điều kiện được hỗ trợ:

- Doanh nghiệp có hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân để triển khai dự án đầu tư đổi mới công nghệ có Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ);

- Đổi mới công nghệ phải dựa trên nền tảng công nghệ của doanh nghiệp đang sử dụng, công nghệ được đổi mới phải nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường và tăng ít nhất 5% giá trị sản phẩm;

- Mỗi doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ thực hiện đổi mới công nghệ tối đa 01 lần/năm.

### c) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ doanh nghiệp 50% kinh phí thực hiện dự án đổi mới công nghệ tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn và 30% kinh phí thực hiện đổi mới công nghệ tại vùng còn lại, nhưng tối đa không quá 2.000 triệu đồng/doanh nghiệp/năm.

## 3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

### 3.1. Lập hồ sơ hỗ trợ:

Căn cứ quy định về điều kiện hỗ trợ của từng nội dung hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo về nội dung hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ đối với từng chính sách quy định tại Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở, các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng hưởng thụ lập 03 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ; nộp trực tiếp hoặc qua Bưu điện về Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Long, hồ sơ đề nghị bao gồm:

#### 3.1.1. Hồ sơ chung:

- Đơn đề nghị hỗ trợ: Mẫu số 1 (Bản chính);
- Báo cáo kết quả thực hiện: Mẫu số 2 (Bản chính).

#### 3.1.2. Hồ sơ đối với từng chính sách hỗ trợ:

- a) Đối với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển giao công nghệ:

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ (bằng Tiếng Việt) và nội dung hợp đồng phải đảm bảo các nội dung thông tin theo quy định tại Điều 23 của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Bản chính hoặc bản sao chứng thực Biên bản nghiệm thu, hóa đơn giá trị gia tăng có liên quan;

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu có);

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với các tổ chức, cá nhân.

b) Đối với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ:

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập đối với các tổ chức, cá nhân.

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Hợp đồng mua thiết bị công nghệ phục vụ hoạt động đổi mới công nghệ; bản chính hoặc bản sao chứng thực biên bản nghiệm thu, chứng từ chứng minh chi phí đầu tư có liên quan;

- Bản chính hoặc bản sao chứng thực Hợp đồng chuyển giao công nghệ phục vụ đổi mới công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu có).

3.2. Thẩm định, xử lý kết quả thẩm định điều kiện hỗ trợ:

a) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định (sau đây gọi tắt là Hội đồng) để đánh giá, xem xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập, Hội đồng tổ chức kiểm tra thực tế và họp thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ tập hợp hồ sơ của đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ gửi Sở Tài chính để thực hiện việc thẩm định kinh phí hỗ trợ.

Hồ sơ gửi Sở Tài chính thẩm định gồm: Văn bản đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ; Hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ theo quy định; Biên bản họp Hội đồng; Báo cáo kết quả của Hội đồng; Biên bản kiểm tra thực tế.

Trong trường hợp không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo và nêu rõ lý do cho đối tượng thụ hưởng.

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ thẩm định do Sở Khoa học và Công nghệ chuyển đến, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể của đối tượng được thụ hưởng theo các nội dung hỗ trợ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt hỗ trợ.

Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hỗ trợ gồm: Tờ trình của Sở Tài chính; Kết luận thẩm định mức kinh phí hỗ trợ của Sở Tài chính; Hồ sơ thẩm định do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.

đ) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định do Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ. Văn bản phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được gửi Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua Trung tâm Phục vụ

## Hành chính công tỉnh.

e) Sở Tài chính cấp kinh phí cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng theo Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

### 3.3. Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, có 07 đến 09 thành viên (Chủ tịch và các ủy viên hội đồng). Thành phần Hội đồng bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ;
- Ủy viên Hội đồng: Đại diện Lãnh đạo Sở Tài chính, các sở, ngành, đơn vị có liên quan; người có chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực chính sách hỗ trợ

#### b) Hội đồng thẩm định có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này, gồm: Tính hợp pháp của hồ sơ, đối tượng hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ;

- Tiến hành kiểm tra hoạt động thực tế. Địa điểm, thời gian, nội dung, thành phần kiểm tra do Chủ tịch Hội đồng quyết định. Kết quả kiểm tra thực tế được lập thành biên bản; Ban hành văn bản báo cáo thẩm định về đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ, đề xuất mức hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ và lý do;

- Hội đồng chỉ tiến hành họp khi có ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng tham gia. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng có thể mời đối tượng thụ hưởng, các thành phần có liên quan tham gia cuộc họp để giải trình những vấn đề chưa rõ. Các nội dung thảo luận, đánh giá tại cuộc họp phải được Hội đồng thực hiện dân chủ, công khai. Đối tượng thụ hưởng chỉ được hỗ trợ khi có trên 3/4 số thành viên tham gia Hội đồng đánh giá đủ điều kiện hỗ trợ. Kết quả làm việc của Hội đồng được thành lập thành biên bản.

c) Chi phí hoạt động của Hội đồng được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ. Nội dung và mức chi cụ thể áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 07/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nội dung và định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc văn bản thay thế của cơ quan có thẩm quyền tại thời điểm hỗ trợ.

## Điều 4. Quy định về bồi hoàn phí

Các đối tượng được thụ hưởng chính sách phải cam kết sử dụng máy móc, thiết bị và công nghệ đã đầu tư trong thời gian ít nhất 05 năm sau khi được hỗ trợ. Trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết nêu trên (trừ trường hợp thiệt hại do sự kiện bất khả kháng được quy định tại khoản 1, Điều 156 Bộ Luật Dân sự năm 2015) phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ.

## Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được cân đối, bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

## Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Khi văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa....., Kỳ họp thứ.... thông qua ngày.... tháng.... năm 2023 và có hiệu lực từ ngày.... tháng.... năm 2023./.

#### **Noi nhận:**

#### **CHỦ TỊCH**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND; UBND các huyện, TX, TP;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

## PHỤ LỤC

Mẫu đơn đề nghị hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số...../2022/NQ-HĐND ngày.....tháng.....  
năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Mẫu số 01

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#### ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ (Chuyển giao công nghệ/đổi mới công nghệ)

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Vĩnh Long

1. Tên tổ chức/cá nhân đề nghị hỗ trợ

- Tên:.....
- Địa chỉ:.....
- Số điện thoại:.....
- Người đại diện (đối với tổ chức/cá nhân):.....

Chức vụ.....; Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

2. Hồ sơ tài liệu được gửi kèm theo đơn này để chứng minh thuộc đối tượng hỗ trợ, đủ điều kiện hỗ trợ, chi phí:

- .....
- .....

3. Cam kết được hỗ trợ:

Sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ đã đầu tư trong thời gian ít nhất 05 năm sau khi được hỗ trợ.

Trong trường hợp không thực hiện đúng cam kết nêu trên (trừ trường hợp thiệt hại do sự kiện bất khả kháng được quy định tại khoản 1, Điều 156 Bộ Luật Dân sự năm 2015) thì hoàn trả toàn bộ kinh phí đã nhận hỗ trợ.

Kính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hồ sơ để được hưởng chính sách theo Nghị quyết số...../2022/NQ-HĐND ngày / /20.... của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Vĩnh Long, ngày.....tháng.....năm.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên chính sách đề nghị hỗ trợ:.....

.....

2. Thông tin đối tượng đề nghị hỗ trợ:

- Tên:.....

- Địa chỉ:.....

- Số điện thoại:.....

- Người đại diện (đối với tổ chức/cá nhân):.....

Chức vụ .....; Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....

3. Địa điểm triển khai:.....

4. Tổng mức đầu tư:.....

5. Thời gian thực hiện: từ tháng ...../năm ..... đến tháng ...../năm .....

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

1. Các hoạt động triển khai thực hiện (*nêu rõ nội dung công việc, quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện*)

.....

.....

2. Kết quả đạt được (*nêu kết quả đạt được sau khi thực hiện dự án*)

.....

.....

3. Các hạng mục được đầu tư (*liệt kê chi tiết các hạng mục đầu tư như: máy móc, thiết bị công nghệ.....*)

TT	Tên hạng mục đầu tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú

4. Sự đáp ứng các điều kiện để thụ hưởng chính sách

TT	Điều kiện để được hỗ trợ	Kết quả đáp ứng điều kiện	Tài liệu minh chứng

5. Kinh phí đã chi cho những nội dung được hỗ trợ

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung các khoản chi	Đơn vị tính	Số lượng	Thành viên	Tài liệu minh chứng

Đề nghị được xem xét hỗ trợ theo Nghị quyết số...../2022/NQ-HĐND  
ngày..../.../2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long số tiền là:.....  
đồng (*Bằng chữ.....*)

6. Phụ lục: Các tài liệu minh chứng đủ điều kiện thu hưởng chính sách.

Vĩnh Long, ngày.....tháng.....năm.....

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

Ký tên, đóng dấu (nếu có)

